

Thách thức cho cơ quan thuế Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN

ĐẶNG THỊ BẠCH VÂN

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Nhận bài: 29/07/2015 - Duyệt đăng: 03/10/2015

Bài viết dựa trên góc độ của lý thuyết hội nhập và lý thuyết về thuế quốc tế đánh giá và phân tích những thách thức trong ngắn hạn và dài hạn cho cơ quan thuế VN trước thêm ra đời và phát triển của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) từ 2015. Kết quả phân tích cho thấy VN về cơ bản cơ cấu thuế các quốc gia ASEAN khá tương đồng nhau. Tuy nhiên, trên cơ sở so sánh các đề xuất của OECD (2008, 2013) cho việc xây dựng mô hình quản lý thuế tiên tiến đồng thời phân tích tương quan về năng lực quản lý thuế giữa các quốc gia trong khối, Singapore được đánh giá là thành viên đã xây dựng những khuôn khổ quản lý thuế đạt trình độ tiên tiến hơn. Chính vì vậy, để chuẩn bị cho việc hội nhập mang lại những lợi ích cho quốc gia, VN cần có những bước chuẩn bị nghiêm túc và dài hạn cho việc khẳng định thế mạnh và vị thế riêng của mình trong cộng đồng.

Từ khóa: Thách thức, quản lý thuế, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, thuế quốc tế.

1. Dẫn nhập

Cộng đồng Kinh tế ASEAN – AEC được thành lập vào năm 2015 với mục tiêu “Tầm nhìn ASEAN 2020” tạo điều kiện hình thành một ASEAN ổn định, phồn vinh, xây dựng những trụ cột vững chắc cho sự phát triển bền vững, cụ thể: (i) Các quốc gia thành viên hội nhập sâu, rộng hơn, (ii) Giảm bớt khoảng cách giữa các nước thành viên; và (iii) Nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề hiện tại và cả các vấn đề mới phát sinh. Yêu cầu về cải cách về thể chế, về chính sách của các quốc gia thành viên cho quá trình hội nhập được thuận tiện là yêu cầu nhất thiết. Trong đó việc cải cách hệ thống thuế nội địa, thuế quốc tế

và các bước chuẩn bị cho lộ trình hội nhập nhằm khẳng định tầm vóc cơ quan thuế VN trong khu vực là thách thức hiện tại cho cơ quan thuế quốc gia. Kết quả khảo sát của Hội Tư vấn thuế VN (2014) tiến hành trên 17 doanh nghiệp tư nhân (24,64%), 31 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (44,93%), 11 doanh nghiệp là công ty TNHH/ công ty cổ phần có vốn nhà nước (15,94%), 1 doanh nghiệp nhà nước và 10 doanh nghiệp thuộc loại hình khác (14,45%) cho thấy: Về tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện của các văn bản pháp luật thuế hiện hành, có 62,71% số cán bộ và 88,89% số doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình và thấp, 27%

cán bộ thuế và hơn 11% số doanh nghiệp có ý kiến đánh giá cao về tính minh bạch, rõ ràng của chính sách thuế hiện hành; đáng chú ý là khi được yêu cầu chỉ ra các văn bản pháp luật thuế cụ thể gây khó khăn trong việc thực hiện, cán bộ thuế và doanh nghiệp đều nêu ví dụ về thuế thu nhập cá nhân, thuế đối với nhà thầu nước ngoài, quy định về đối tượng không chịu thuế của Luật Thuế giá trị gia tăng và các quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp¹.

¹<http://vneconomy.vn/tai-chinh/cai-cach-thue-khi-viet-nam-con-mot-minh-mot-san-20141120114355994.htm>

2. Cơ sở lý thuyết

Toàn cầu hóa và hội nhập – tăng cường nền kinh tế mở giúp trao đổi và đầu tư kết hợp với giảm thiểu chi phí vận chuyển và cải thiện thông tin liên lạc – có tác dụng ít nhiều trong việc xây dựng chính sách thuế:

Thuế có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất hàng hóa và dịch vụ, và do đó thay đổi khả năng cạnh tranh quốc tế tương đối ở một số lĩnh vực, thúc đẩy thay đổi cơ cấu.

Du lịch và mua sắm xuyên biên giới có nghĩa là ngay cả thuế GTGT và thuế bán hàng, mà thông thường không áp dụng đối với hàng xuất khẩu, có thể ảnh hưởng đến nhu cầu của người nước ngoài đối với hàng hóa và dịch vụ sản xuất trong nước.

Thuế thu nhập cá nhân có thể ảnh hưởng đến người lao động, đặc biệt là những người đang được trả lương cao, tùy thuộc vào quốc gia mà họ làm việc.

Thuế thu nhập doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn địa điểm đặt nhà máy và văn phòng. Hệ thống thuế chỉ là một yếu tố trong số rất nhiều thứ để cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia, nếu không họ sẽ có được một dòng vốn và các hoạt động lớn từ nước đánh thuế cao đến nước đánh thuế thấp, nhưng có bằng chứng rằng các quyết định về địa điểm đang trở nên nhạy cảm hơn với thuế.

Sự lựa chọn liên quan đến thuế của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi toàn cầu hóa vì sự dễ dàng mà các doanh nghiệp đa quốc gia có thể di chuyển địa điểm ít nhất một trong các hoạt động của họ. Tuy nhiên, công nhân có tay nghề cao cũng đang trở nên linh động hơn và một số nước đang áp dụng điều này trong việc xây dựng

hệ thống thuế riêng của họ. Ngược lại, việc đánh thuế vào người lao động có tay nghề và tiêu dùng thấp hơn được xem là ít bị ảnh hưởng bởi toàn cầu hóa vì những căn cứ tính thuế ít tính linh động hơn. Cuối cùng, việc đánh thuế bất động sản được xem là ít bị tác động nhất của công cuộc toàn cầu hóa.

Các vấn đề liên quan đến việc đánh thuế thu nhập tương đối với mức tiêu thụ và dưới mức tiêu thụ, thuế nhập khẩu so với việc đánh thuế tiêu thụ trong nước. Cả hiệu quả (cho dù thuế làm tăng hay làm giảm phúc lợi chung của những người bị đánh thuế) và công bằng (cho dù thuế là công bằng cho tất cả mọi người) là trọng tâm nghiên cứu.

Mối quan tâm khác trong việc lựa chọn giữa việc đánh thuế thu nhập và thuế tiêu thụ liên quan đến tác động tương đối của chúng đến công bằng. Đánh thuế tiêu thụ có truyền thống được coi là có khả năng lũy thoái hơn (nghĩa là khó khăn hơn đối với người nghèo so với người giàu) so với thuế thu nhập. Nghi ngờ đã được tạo ra dựa trên quan niệm này là tốt. Xem xét lý thuyết và thực tế cho thấy các vấn đề công bằng về hình thức truyền thống của việc đánh thuế tiêu thụ có thể phóng đại và đối với các nước đang phát triển, cố gắng để giải quyết những mối quan tâm của các sáng kiến như thông qua thuế tiêu thụ sẽ không hiệu quả và không thực tế hành chính.

Đối với thuế nhập khẩu, giảm các loại thuế sẽ dẫn đến cạnh tranh nhiều hơn từ các doanh nghiệp nước ngoài. Trong khi việc giảm bảo hộ các ngành công nghiệp trong nước trước sự cạnh tranh từ bên ngoài là một hệ quả tất yếu, hoặc thậm chí khách quan, của một

chương trình tự do hóa thương mại, giảm thu ngân sách sẽ là một sản phẩm phụ không mong muốn của chương trình. Biện pháp thu bù khả thi trong các trường hợp hầu như luôn luôn liên quan đến việc tăng thuế tiêu thụ trong nước. Hiếm khi tăng thuế thu nhập sẽ được coi là một lựa chọn khả thi trên cơ sở cả chính sách (do tác động của nhận thức tiêu cực về đầu tư) và quản lý (vì năng suất doanh thu của họ là ít chắc chắn hơn và ít kịp thời hơn từ những thay đổi thuế tiêu thụ).

Dữ liệu từ các nước công nghiệp và đang phát triển cho thấy tỷ lệ thu nhập thuế tiêu dùng ở các nước công nghiệp liên tục duy trì nhiều hơn gấp đôi tỷ lệ ở các nước đang phát triển. (Nghĩa là, so với các nước phát triển, các nước công nghiệp lấy theo tỷ lệ gấp đôi doanh thu từ thuế thu nhập hơn từ thuế tiêu thụ). Các dữ liệu cũng cho thấy một sự khác biệt đáng chú ý trong tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp đến thuế thu nhập cá nhân. Các nước công nghiệp tăng khoảng bốn lần so với thuế thu nhập cá nhân hơn là so với thuế thu nhập doanh nghiệp. Sự khác biệt giữa hai nhóm nước là ở thu nhập tiền lương, trong sự tinh tế của quản lý thuế, và trong quyền lực chính trị của các phân khúc người giàu nhất là những người đóng góp chính cho sự khác biệt này. Mặt khác, doanh thu từ thuế xuất nhập khẩu ở các nước đang phát triển cao hơn so với các nước công nghiệp đáng kể. Như vậy, cấu trúc thuế các nước là vấn đề đáng quan tâm trong việc cải cách hệ thống thuế cho mục đích tăng trưởng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết trước tiên phân tích về vai trò của cấu trúc thuế đến sự phát triển của các quốc gia để có

cái nhìn tổng quan về cơ cấu thuế các nước ASEAN. Dữ liệu về tỷ trọng từng loại thuế trong tổng GDP của các nước ASEAN được thu thập từ bộ dữ liệu của trung tâm thuế và phát triển quốc tế (ICTD). Đây là nguồn dữ liệu tổng hợp từ ngân hàng thế giới, từ IMF, ... phục vụ cho việc phân tích chính sách thuế và tăng trưởng các quốc gia qua các thời kỳ. Sau đó căn cứ vào các yêu cầu đặt ra cho việc quản lý thuế quốc tế, tác giả phân tích những thách thức cơ bản mà VN đối diện và cần được điều chỉnh kịp thời nhằm hội nhập sâu và tốt vào cộng đồng, phát triển cùng cộng đồng. Tuy nhiên, bộ dữ liệu này chỉ cập nhật số thu thuế đến năm 2010 một vài quốc gia trong mẫu, vì vậy để tăng thêm tính cập nhật cho vấn đề nghiên cứu, tác giả bổ sung thêm dữ liệu của Ngân hàng Thế giới năm 2013 để có cái nhìn so sánh tương quan mới nhất về cấu trúc thuế các nước ASEAN 2013.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

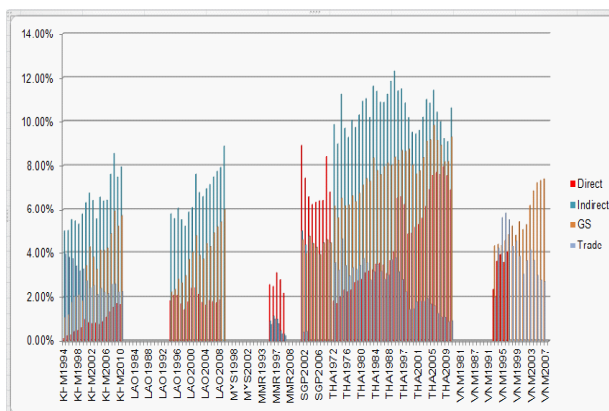
4.1. Tổng quan về cấu trúc thuế một số quốc gia Asean

Về cơ bản, cơ cấu thuế các quốc gia ASEAN tập trung chủ yếu vào thuế gián thu (Indirect), (hình 1) trong đó đa phần số thu thuế gián thu này bao gồm thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ và thuế đánh trên hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Chỉ riêng trường hợp của Singapore (SGP) và Myanmar (MMR) số thuế trực thu chiếm tỷ trọng lớn trên GDP so với các loại thuế còn lại. Điều này phù hợp với lý thuyết về thuế ở các quốc gia đang phát triển, phần lớn số thu thuế có nguồn từ các khoản thuế gián thu do yêu cầu về quản lý thuế gián thu ít phức tạp hơn quản lý thuế trực thu nên các quốc gia đang phát triển và kém phát triển thường tập trung nguồn thu vào nhóm này.

Về tỷ trọng số thu thuế trực thu (Hình 2), số thu thuế trực thu có nguồn từ thu nhập, lợi nhuận và lợi tức (Taxes on Income, Profits and Capital Gains) chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số các thành phần của thuế trực thu, trong đó, VN là quốc gia phụ thuộc lớn nhất vào khoản thuế này, đóng góp hơn 10% GDP; tiếp đó là Singapore, Thái Lan và Lào. Điều này chứng minh được rằng vai trò của các nguồn thu nhập trong việc tạo ra nguồn thu cho ngân sách. Thuế thu nhập cá nhân chiếm tỷ trọng không đáng kể và thuế tài sản là thành phần đóng góp thấp nhất cho tổng thu ngân sách.

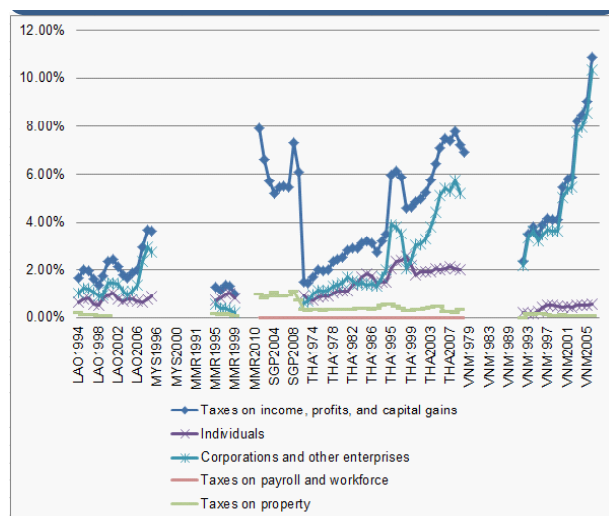
Về cơ cấu thuế gián thu (Hình 3), thuế tiêu dùng (Taxes on Sales) và thuế thu trên hàng hóa xuất nhập khẩu (Taxes on International Trade and Transactions) là 2 khoản thu đóng góp đáng kể trong tổng GDP, thuế

Hình 1: Tỷ trọng (%) thuế so với GDP một số nước ASEAN



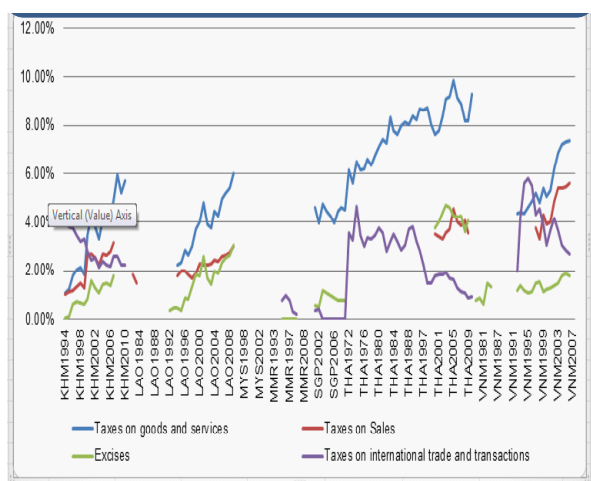
Nguồn: <http://www.ictd.ac/en/about-ictd-government-revenue->

Hình 2: Tỷ trọng (%) thuế trực thu so với GDP một số nước ASEAN



Nguồn: <http://www.ictd.ac/en/about-ictd-government-revenue-dataset>

Hình 3: Tỷ trọng (%) thuế gián thu so với GDP một số nước ASEAN



Nguồn: <http://www.ictd.ac/en/about-ictd-government-revenue-dataset>

tiêu thụ đặc biệt chiếm tỷ lệ thấp nhất. Tuy nhiên, thuế tiêu dùng có xu hướng tăng dần qua các năm, và thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, theo đúng xu hướng hội nhập và tự do hóa, nguồn thu này càng ngày càng giảm qua các năm.

Như vậy, hầu hết các quốc gia thành viên ASEAN đều có cơ cấu thuế tương đồng nhau, thể hiện ở tỷ trọng của thuế trực thu, thuế gián thu và từng khoản thu thuế cụ thể, về xu hướng thay đổi số thu của thuế đánh trên hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu cũng phù hợp với lộ trình hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, xét về mức độ tiên tiến và trình độ quản lý thuế giữa các nước có sự chênh lệch đáng kể: Theo Chỉ số cạnh tranh toàn cầu 2013/2014 (Global Competitiveness Index) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) VN xếp vị trí thứ 70 trên 148 quốc gia, cao hơn so với năm 2012/2013 (75/144) nhưng lại thấp hơn nhiều so với năm 2010/2011 (59/144) và năm 2011/2012 (65/144). Riêng về thể chế kinh tế, VN xếp thứ 98 trong năm 2013/2014, tụt 9 bậc so với vị trí 89 trong năm 2012/2013. Chỉ số môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2013 xếp VN ở vị trí 99, tụt 9 bậc so với năm 2012. Tuy các thước đo này còn nhiều khiếm khuyết nhưng đều là những nguồn thông tin tham khảo được nhiều nhà đầu tư sử dụng². Trong số các quốc gia Đông Nam Á, Singapore hầu như luôn chiếm vị trí đầu bảng, VN chỉ đứng trên Philippines và Campuchia, riêng năm 2014, Philippines đã có những bước tiến tốt hơn hẳn VN. Bảng 1 cho thấy chi tiết hơn về sự khác biệt

Bảng 1: So sánh chính sách thuế các nước ASEAN

QUỐC GIA	TỔNG THU THUẾ		THỜI GIAN TUẦN THU THUẾ	THUẾ THU TỪ CÁC DOANH NGHIỆP		
				THUẾ/LỢI NHUẬN	THUẾ/LAO ĐỘNG	THUẾ KHÁC
	% of GDP		Cứ 2013	% Lợi nhuận	% Lợi nhuận	% Lợi nhuận
	2005	2012		2013	2013	2013
Brunei Darussalam	..	..	96	7.6	8.5	0
Cambodia	7.9	11.6	173	19.1	0.1	2.1
Indonesia	12.5	..	259	18.1	10.8	3.2
Lao PDR	10.5	14.8	362	20.5	5.6	0.7
Malaysia	14.8	16.1	133	19.3	15.6	1.4
Myanmar	3.3	..	155	26.6	0	22.3
Philippines	12.4	12.9	193	19.6	10.8	14.2
Singapore	11.6	14	82	4.9	17.6	4.7
Thailand	17.2	16.5	264	22.5	4	3.2
Vietnam	..	..	872	11.4	23.7	0.2

Nguồn: World Development Indicators 2014

này trong chính sách thuế đối với loại hình doanh nghiệp các nước ASEAN năm 2013³. Điều này dẫn đến những thách thức trong quản lý thuế cho quá trình hội nhập sâu mà tác giả phân tích ở mục 4.2.

4.2. Hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những yêu cầu đặt ra trong quản lý thuế

Lợi ích thu được từ việc thành lập AEC là cụ thể và rõ ràng cho từng quốc gia thành viên và cả khu vực trong ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, xét ở góc độ quản lý thuế và các bước chuẩn bị cải cách cho hội nhập, cơ quan thuế và Hải quan VN cần lưu ý một số vấn đề cốt lõi như sau:

Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Các lý thuyết kinh tế đã khẳng định vai trò của xuất khẩu, nhập khẩu đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế của một quốc gia (Rivera-Batiz và Romer, 1991; Forslid và Richard, 1996, ...). Nghiên cứu thực nghiệm của Trần Thị Tuấn Anh (2014) và Đinh Thị Thu Hồng, Lê Tuấn Anh (2014) cũng khẳng định vai trò của xuất

khẩu, nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế các quốc gia ASEAN. Thương mại nội bộ ASEAN 2012 chiếm khoảng 30% tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu của khối (Ban thư ký ASEAN), và tỷ trọng này có xu hướng gia tăng nhằm đảm bảo sự phát triển vững mạnh của khối. Điều này đặt ra áp lực rất lớn cho công tác quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở nhiều góc độ: ở góc độ hỗ trợ và dịch vụ cung ứng cho người nộp thuế, đó là vấn đề thủ tục khai báo hải quan, thời gian thông quan hàng hóa, việc phân luồng và kiểm tra sau thông quan, hệ thống cửa khẩu hải quan và năng suất hoạt động các bộ phận có liên quan, việc phát triển các dịch vụ logistic hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; ở góc độ phát huy hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý, giảm thiểu tình trạng gian lận là việc kiểm tra trị giá tính thuế hàng nhập khẩu của các giao dịch, nhất là các giao dịch liên kết giữa các thành viên trong khối được dự đoán là gia tăng mạnh khi cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập và phát triển.

³Thuế/Lao động bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản đóng góp bắt buộc khác tính trên lương mà doanh nghiệp phải chịu. Thuế khác bao gồm các khoản phải nộp khác của doanh nghiệp, kể cả các khoản phí, ..

²<http://www.pcvietnam.org/diem-tin/nang-cao-nang-luc-can-h-tranh-quoc-gia-qua-lang-kinh-pci-a268.html>

Quản lý thuế trực thu (thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân) đối với các nguồn thu nhập có yếu tố nước ngoài:

Thuế thu nhập doanh nghiệp như phân tích ở phần trên là khoản thu đóng góp đáng kể vào GDP của mỗi nước. Trước áp lực giảm sút nguồn thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, các khoản thuế trực thu trở thành mối quan tâm của cơ quan thuế các nước nhằm đảm bảo cân đối nguồn thu. Việc xác định thu nhập tính thuế của đối tượng cư trú, cơ chế khấu trừ thuế được quy định trong các hiệp định tránh đánh thuế hai lần, các vấn đề đáng lo ngại trong quản lý thuế quốc tế và tránh đánh trùng thuế đối với các nguồn thu nhập, quản lý giá chuyển giao giữa các công ty đa quốc gia, việc định giá của các giao dịch liên quan đến tiền bản quyền và sở hữu trí tuệ, vấn đề chuyển thu nhập giữa các quốc gia; quản lý thuế đối với các giao dịch mua bán và sáp nhập... tất cả tạo nên áp lực nặng nề cho hệ thống quản lý thuế VN vốn đã khá mỏng về cơ sở dữ liệu và trình độ công nghệ thông tin ứng dụng trong các khâu quản lý. Nội dung cơ bản của AEC là di chuyển hàng hóa tự do, di chuyển dịch vụ tự do, di chuyển đầu tư tự do, di chuyển vốn tự do, di chuyển lao động có kỹ năng tự do, đẩy mạnh thương mại điện tử,... Điều này đồng nghĩa với việc các cơ quan chức năng của VN phải quản lý và kiểm soát được các vấn đề đa phương. Bản kế hoạch chi tiết của AEC về thuế khóa đã nhấn mạnh chủ trương hoàn thiện hiệp định song phương về tránh đánh thuế 2 lần giữa tất cả các quốc gia thành viên.



Yêu cầu về việc không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý thuế và hoàn thiện cơ chế hoạt động:

Trong giai đoạn 2012 – 2013 và 2013 – 2014, Singapore có vị trí xếp hạng cao nhất (thứ hai liên tiếp trong 2 năm trong danh sách 148 quốc gia tham gia trong mẫu), VN nằm trong nhóm các nước có năng lực cạnh tranh toàn cầu khá thấp (tương ứng 2 năm lần lượt là thứ 75, 70 (Diễn đàn kinh tế thế giới WEF). Điều này cho thấy môi trường, thể chế và năng lực quản lý giữa các quốc gia trong khối tại thời điểm xuất phát cho AEC thiếu tương đồng đáng kể, thậm chí là khắp khển. Năm 2008, OECD đề xuất phương thức quản lý thuế tiên tiến – the Enhanced Relationships - dựa trên nền tảng sự tin tưởng lẫn nhau giữa cơ quan quản lý thuế, người nộp thuế lớn và các trung gian thuế (các đại lý thuế) đồng thời có sự hỗ trợ minh bạch thông tin từ phía các ngân hàng. Năm 2013, OECD đề xuất khuôn khổ quản lý thuế tiên bộ hơn nữa, chuyển từ việc tăng cường mối quan hệ giữa các bên sang mối quan hệ hợp tác lẫn nhau cùng phát triển. Trong bảng

đánh giá năm 2013 của OECD, chỉ có Singapore là quốc gia tiến bộ nhất trong các nước ASEAN xây dựng một khuôn khổ chiến lược kiểm soát tuân thủ nhằm tối đa hóa việc tuân thủ thuế của người nộp thuế đồng thời Singapore cũng xây dựng riêng khuôn khổ giao dịch với người nộp thuế với tư cách là khách hàng thực thụ của người nộp thuế. Khuôn khổ hoạt động mà cơ quan thuế Singapore thực thi được OECD đánh giá cao và thật sự dựa trên việc quản lý tuân thủ. Những năm qua VN đã chuyển sang chiến lược quản lý thuế và kiểm tra, thanh tra thuế dựa trên việc quản lý rủi ro, tuy nhiên chiến lược kiểm soát tuân thủ của chúng ta chưa thật sự rõ ràng và sắc nét. Điều này tạo áp lực lớn cho công tác quản lý thuế cho VN khi gia nhập AEC là việc người nộp thuế lựa chọn đăng ký thuế tại Singapore hay bất kỳ quốc gia nào trong khối với cơ chế quản lý thuế hỗ trợ tích cực cho người nộp thuế hay họ sẽ chọn đăng ký thuế tại cơ quan thuế VN? Việc phân chia quyền thu thuế giữa các chính phủ như thế nào để không ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu của mỗi quốc gia?

Yêu cầu về hệ thống cơ sở dữ liệu và công nghệ thông tin trong quản lý thuế:

Năm 2009, ngành Thuế bắt đầu xây dựng hệ thống quản lý thuế thu nhập cá nhân (TNCN) sử dụng giải pháp có sẵn của SAP (hãng phần mềm của Đức) đã được áp dụng tại nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó, hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung (viết tắt là TMS – Tax Managment System) cũng được Tổng cục Thuế xây dựng theo giải pháp SAP, trên cơ sở mở rộng hệ thống quản lý thuế TNCN (QLT TNCN) để quản lý các loại thuế còn lại (giá trị gia tăng (GTGT), thu nhập doanh nghiệp (TNDN), tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)...). Hệ thống TMS thay thế 16 ứng dụng hỗ trợ công tác quản lý thuế đang vận hành và triển khai phân tán tại 3 cấp của ngành Thuế (Tổng cục, Cục Thuế và Chi cục Thuế), đáp ứng toàn bộ các khâu xử lý dữ liệu cho các quy trình nghiệp vụ: Đăng ký thuế, quản lý hồ sơ thuế, quản lý và xử lý kê khai/quyết toán thuế, kê toán thuế nội địa, quản lý nợ, sổ sách, báo cáo phân tích, đánh giá và có khả năng kết nối với các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế (NNT) trong thực hiện các thủ tục về thuế⁴. Tuy nhiên, hệ thống công nghệ này chỉ hỗ trợ thay thế cho việc lưu trữ hồ sơ giấy trước khi áp dụng kê khai thuế điện tử. Bằng chứng là hàng loạt sai phạm liên quan đến chuyển giá của các công ty đa quốc gia thời gian vừa qua cơ quan thuế VN không có đủ bằng chứng về mặt dữ liệu thuyết phục nhằm xử lý triệt để vấn đề này. Hệ thống cơ sở dữ liệu

về giá thị trường của các giao dịch độc lập hiện đang vẫn là áp lực rất lớn cho công tác quản lý thuế quốc tế quốc gia và khu vực.

4.3. Kết luận và một số kiến nghị hoàn thiện hệ thống thuế cho quá trình hội nhập AEC

Hội nhập là xu hướng tất yếu cho sự phát triển hiện tại. Tuy nhiên việc cải cách thể chế, chính sách và xây dựng, thực thi các khuôn khổ quản lý thuế tiên tiến cũng như đầu tư hạ tầng, hệ thống dữ liệu quản lý cho quá trình hội nhập buộc cơ quan thuế và chính phủ cần có cái nhìn nghiêm túc và lộ trình điều chỉnh phù hợp trong ngắn hạn và dài hạn. Trước mắt, cơ quan Thuế VN cần quán triệt rõ tinh thần của hội nhập và những yêu cầu đặt ra trong quản lý thuế hiện đại cho các viên chức ngành thuế; song hành thiết lập các khuôn khổ hợp tác giữa cơ quan thuế, người nộp thuế, các trung gian thuế, hệ thống ngân hàng,... trên tinh thần tạo thuận lợi nhất cho người nộp thuế; chuyển hẳn từ cách tiếp cận kiểm soát, thiếu tin cậy lẫn trong quản lý sang hợp tác cùng có lợi trên nguyên tắc tuân thủ tự nguyện và tạo điều kiện cho tuân thủ; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ cho quản lý và dữ liệu thống kê lịch sử tuân thủ thuế của người nộp thuế để có phương thức quản lý thuế phù hợp với từng mức độ tuân thủ thuế. Riêng phương diện quản lý thuế quốc tế, VN cần hợp tác tích cực với các quốc gia trong khối để tăng cường công tác quản lý song phương, đa phương, hỗ trợ xây dựng các chương trình quản lý tích hợp thông tin người nộp thuế. Trong dài hạn, nhằm đảm bảo sự phát triển vững mạnh của từng quốc gia thành viên cũng như sự phát triển chung của cả cộng đồng,

hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực, tăng cường minh bạch thông tin quản lý và hệ thống giám sát là giải pháp ưu tiên hàng đầu.

4.4. Hạn chế của bài viết

Các dữ liệu thống kê về thuế vốn dĩ là một góc khuất trong các nghiên cứu thế giới, riêng trường hợp ASEAN lại càng trở nên khó khăn hơn khi số liệu không đầy đủ và không đồng nhất, vì vậy trong phạm vi giới hạn cho phép, tác giả chỉ có thể phân tích sơ bộ những nội dung có liên quan đến thuế nhằm giúp VN tiên liệu những tình huống khó khăn khi gia nhập và phát triển trong cộng đồng●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- <http://vneconomy.vn/tai-chinh/cai-cach-thue-khi-viet-nam-con-mot-minh-mot-san-20141120114355994.htm>
- <http://wdi.worldbank.org/table/5.6#>
- <http://www.ictd.ac/en/about-ictd-government-revenue-dataset>
- http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=149140416&p_details=1
- <http://www.pcivietnam.org/diem-tin/nang-cau-nang-luc-can-hanh-tranh-quoc-gia-qua-lang-kinh-pci-a268.html>
- OECD. (2008). Study into the role of Tax Intermediaries. OECD. Paris. 2008.
- OECD. (2010). "Growth-oriented Tax Policy Reform Recommendations", in *Tax Policy Reform and Economic Growth*. OECD Publishing.
- OECD. (2013). Co-operative compliance: A Framwork from enhanced relationship to co-operative compliance, <http://www.oecd.org/tax/administration/co-operative-compliance.htm>.
- Vito Tanzi & Howell Zee. (2001). Tax Policy for Developing Countries, in *Economic Issues*, No. 27. IMF Publishing.

⁴http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=149140416&p_details=1